

Số: 76/BC - KHTC

Sơn La, ngày 30 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG HỢP THU - CHI
XÁC ĐỊNH CHÊNH LỆCH THU CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ - CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

Căn cứ số báo cáo quyết toán tài chính tính đến hết ngày 30/6/2022 của Trường Cao đẳng Sơn La,

Phòng KH - TC báo cáo tổng hợp thu, chi 6 tháng đầu năm 2022 như sau.

I. Kết quả hoạt động tài chính:

1. Nguồn kinh phí được tự chủ

1.1 Dự toán 2021 chuyển sang: 3.209.795.543, đồng

Trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh tự chủ: 3.111.836.865, đồng
- Nguồn đào tạo bồi dưỡng CBQL: 97.663.000, đồng
- Nguồn đào tạo lưu học sinh và học viên Lào: 295.678, đồng

1.2 Dự toán giao trong năm 2022: 31.892.000.000, đồng

Trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh tự chủ: 30.252.000.000, đồng
- Nguồn đào tạo lưu học sinh và học viên Lào: 1.640.000.000, đồng

1.3 Dự toán đã thực hiện chi: 13.410.511.544, đồng

Trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh tự chủ: 12.828.607.914, đồng
- Nguồn đào tạo lưu học sinh và học viên Lào: 581.903.630, đồng

1.4 Dự toán còn lại chuyển sang kỳ sau: 21.691.283.999, đồng

Trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh tự chủ: 20.535.228.951, đồng
- Nguồn đào tạo bồi dưỡng CBQL: 97.663.000, đồng
- Nguồn đào tạo học sinh và học viên Lào: 1.058.392.048, đồng

2. Nguồn kinh phí không được tự chủ:

- Dự toán 2021 chuyển sang: 3.000.000.000 đồng,
- Dự toán giao trong năm: 58.834.693.120, đồng
- Dự toán đã thực hiện chi: 18.760.134.773, đồng
- Dự toán còn lại: 43.074.558.347 đồng,

(có bảng chi tiết nguồn kinh phí kèm theo)

3. Nguồn kinh phí đề tài NCKH cấp tỉnh, Sở KHCN cấp

- Kinh phí năm 2021 chuyển sang: 199.497.000, đồng
- Kinh phí đã cấp: 95.008.000, đồng,
- Kinh phí đã thực hiện chi: 294.505.000, đồng,
- Kinh phí còn lại: 0, đồng,

4. Nguồn thu sự nghiệp:

- Thu sự nghiệp thực tế thu được: 8.464.826.670, đồng
- Thu sự nghiệp đã chi: 2.468.943.171, đồng
- Số kinh phí còn lại chuyển sang kỳ sau là: 5.995.883.499, đồng

5. Tình hình sử dụng các quỹ

- Kinh phí năm 2021 chuyển sang: 6.206.602.119, đồng.
- Trích lập quỹ trong kỳ: 0, đồng
- Cấp trên cấp kinh phí khen thưởng: 0, đồng
- Kinh phí đã chi: 1.918.784.300, đồng
- Kinh phí còn lại là: 4.287.817.819, đồng.

6. Tình hình công nợ và tiền vốn:

- Các khoản phải trả: 3.359.108.084, đồng.
- Các khoản phải thu (dư nợ): 5.400.000, đồng
- Nợ tạm ứng (dư nợ): 155.906.000, đồng.
- Dư tiền mặt: 40.597.762, đồng
- Dư tiền gửi: 15.773.902.150, đồng

II. Phân tích khái quát hoạt động thu, chi 6 tháng đầu năm

1. Tình hình thực hiện:

- Đã chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ như tiền lương, phụ cấp lương, tiền thưởng, chi trả tiền phép năm, công tác phí, đóng đầy đủ chế độ bảo hiểm và kinh phí công đoàn cho cán bộ viên chức.

- Chi trả đầy đủ chế độ học bổng, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ chính sách nội trú cho HSSV, chế độ học bổng tiền ăn của học viên và lưu học sinh, sinh viên Lào.

- Đầu năm thực hiện tốt việc giao phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc nhà trường; tổ chức triển khai thực hiện dự toán được giao đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường; định kỳ chỉ đạo rà soát dự toán và đánh giá quá trình thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch được giao, có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán;

2. Khó khăn, tồn tại:

- Nguồn thu sự nghiệp từ các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc, bồi dưỡng chức danh GNNN giảm so với kỳ trước.

- Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ chưa thực hiện được do chưa có Quyết định giao nhiệm vụ của Sở Giáo dục đào tạo.

III. Kiến nghị đề xuất

- Đề nghị lãnh đạo nhà trường tiếp tục chỉ đạo về tiết kiệm chống lãng phí, cụ thể ở các nội dung: Tiếp khách, xăng xe, điện, nước để đảm bảo kế hoạch tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Quyết định của UBND tỉnh Sơn La giao.

- Chỉ đạo các đơn vị đã được phân bổ tài chính triển khai thực hiện dự toán đảm bảo tiến độ, kế hoạch.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền tuyển sinh, giao khoán tự chủ tuyển sinh cho các khoa, đơn vị trực thuộc.

Nơi nhận:

- Đảng ủy nhà trường (b/c);
- BGH – BTV CĐ (b/c);
- Lưu: Ban ISO, KH – TC.

**PHÒNG KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Doãn Thị Phương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP

(Kèm theo Báo cáo số: 76/BC-KHTC ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kế hoạch Tài chính)

STT	TÊN NGUỒN	Hệ ĐT	DT năm 2021 chuyển sang	DT giao trong năm	DT được sử dụng	DT đã thực hiện chi	Dư KP theo dự toán giao
			1	2	3=1+2	4	5=3-4
I	Tự chủ		3.209.795.543	31.892.000.000	35.101.795.543	13.410.511.544	21.691.283.999
1	Ngân sách tỉnh tự chủ		3.111.836.865	30.252.000.000	33.363.836.865	12.828.607.914	20.535.228.951
2	Đào tạo bồi dưỡng - TX		97.663.000	0	97.663.000	0	97.663.000
3	Đào tạo LHS Lào		295.678	1.640.000.000	1.640.295.678	581.903.630	1.058.392.048
II	Không tự chủ		3.000.000.000	58.834.693.120	61.834.693.120	18.760.134.773	43.074.558.347
1	Trợ cấp 194	NSP		3.064.000.000	3.064.000.000	1.043.560.000	2.020.440.000
2	Trợ cấp 194	SP		462.000.000	462.000.000	173.600.000	288.400.000
3	KK học tập 124	NSP		8.598.000.000	8.598.000.000	2.663.867.000	5.934.133.000
4	KK học tập 124	SP		1.264.000.000	1.264.000.000	434.782.000	829.218.000
5	Chính sách nội trú	NSP		12.151.000.000	12.151.000.000	3.599.162.000	8.551.838.000
6	Chính sách nội trú	SP		1.655.000.000	1.655.000.000	633.548.000	1.021.452.000
7	Hỗ trợ HT (NĐ57)	NSP		322.000.000	322.000.000	73.010.000	248.990.000
8	Hỗ trợ HT (NĐ57)	SP		72.000.000	72.000.000	19.370.000	52.630.000
9	Cấp bù HP (NĐ 81)	NSP		10.178.000.000	10.178.000.000	4.477.292.900	5.700.707.100
10	Hỗ trợ HP +Trợ cấp theo NĐ 116	SP		6.686.000.000	6.686.000.000	0	6.686.000.000
11	NS KTX	NSP		2.768.000.000	2.768.000.000	849.736.053	1.918.263.947
12	NS KTX	SP		470.000.000	470.000.000	0	470.000.000
13	Sửa chữa nhà B0			6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000
14	An ninh quốc phòng			380.000.000	380.000.000	0	380.000.000
15	Tình gián BC			274.693.120	274.693.120	274.693.120	0
16	Chương trình MTQG		3.000.000.000	0	3.000.000.000	880.103.700	2.119.896.300
17	Đào tạo LHS Lào -KTX			4.490.000.000	4.490.000.000	3.637.410.000	852.590.000
18	Đào tạo bồi dưỡng- KTX			0	0	0	0
	TỔNG CỘNG		6.209.795.543	90.726.693.120	96.936.488.663	32.170.646.317	64.765.842.346